

MỘT SỐ KINH NGHIỆM DUY TRÌ VÀ NHÂN RỘNG KẾT QUẢ CÁC DỰ ÁN NÔNG THÔN MIỀN NÚI

ThS PHẠM VIỆT TÍCH

Giám đốc Sở KH&CN Quảng Nam

Kết quả thực hiện các dự án thuộc Chương trình hỗ trợ ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ (KH&CN) phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi (Chương trình NTMN) trong giai đoạn 2004-2015 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam đã đạt được nhiều kết quả, góp phần quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Các mô hình của dự án như là những “đốm lửa”, góp phần thúc đẩy ứng dụng KH&CN vào sản xuất, nâng cao trình độ sản xuất, dân trí và cải thiện đời sống nhân dân. Bài viết chia sẻ một số kinh nghiệm của Quảng Nam trong việc duy trì và nhân rộng kết quả các dự án NTMN vào sản xuất.

Một số kết quả nổi bật

Được sự quan tâm hỗ trợ của Bộ KH&CN, trong giai đoạn 2004-2015, Quảng Nam được phê duyệt thực hiện 11 dự án NTMN, trong đó có 5 dự án do trung ương quản lý và 6 dự án ủy quyền địa phương quản lý. Các dự án này đã thực sự là cầu nối giữa khoa học và sản xuất, là sự hiện diện rõ nét của KH&CN ở khu vực NTMN. Người dân vùng dự án đã được tiếp cận các sản phẩm KH&CN một cách cụ thể và thu được hiệu quả thiết thực. Có thể nói các dự án thuộc Chương trình NTMN đã hỗ trợ hiệu quả cho việc đưa tiến bộ KH&CN đến với đồng bào NTMN, cải thiện đáng kể cuộc sống của người dân, đặc biệt là vùng đồng bào dân tộc ít người.

Từ những kết quả ban đầu của các dự án, các mô hình ứng dụng tiến bộ KH&CN này đã và đang được nhân rộng, phát huy tác dụng tích cực tại địa bàn thực hiện dự án nói riêng, tỉnh Quảng Nam nói chung, mang lại hiệu quả nhiều mặt về kinh tế, xã hội và môi trường, tạo được sức lan tỏa mạnh đối với nhiều địa phương khác trong tỉnh. Bên cạnh đó, trong quá trình triển khai, các dự án đã đào tạo được một đội ngũ cán bộ kỹ thuật nòng cốt cho việc tiếp nhận và ứng dụng quy trình công nghệ vào sản xuất tại địa phương... Có thể kể

đến một số dự án điển hình như:

Dự án “Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật để phát triển các loài song mây tại Quảng Nam” có ý nghĩa thiết thực trong việc bảo vệ vốn rừng, phục hồi, phát triển nguồn lâm sản ngoài gỗ đang có nguy cơ cạn kiệt, tạo nguồn nguyên liệu để phát triển ngành nghề mới, góp phần xóa đói giảm nghèo cho đồng bào tại các huyện miền núi Quảng Nam. Các mô hình của dự án đã mang lại hiệu quả thiết thực. Cây song mây đã bắt đầu cho thu hoạch và đã có thể thu hạt làm giống. Thấy rõ được hiệu quả kinh tế, xã hội và môi trường của việc phát triển cây song mây, thời gian qua, các cấp ủy đảng tại các huyện miền núi trong tỉnh đều thống nhất đưa vào Nghị quyết Chương trình phát triển trồng và chế biến, sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ từ cây song mây. Sau khi dự án kết thúc, riêng huyện Tây Giang đã hỗ trợ 1,8 tỷ đồng từ nguồn dự án 30a của huyện mua giống, cấp phát cho người dân nhân rộng mô hình. Một số huyện còn lại cũng đã có các chính sách hỗ trợ lồng ghép các nguồn vốn từ các chương trình phát triển kinh tế - xã hội miền núi để phát triển sản xuất, nhân rộng mô hình trên địa bàn.

Dự án “Ứng dụng công nghệ vi sinh sản xuất phân hữu cơ vi sinh phục vụ

sản xuất nông nghiệp an toàn tại Quảng Nam” đã góp phần giải quyết các vấn đề ô nhiễm môi trường cục bộ tại địa phương, giới thiệu và hướng dẫn cho người dân làm quen với phân hữu cơ vi sinh, tạo nên thói quen về canh tác sạch, bền vững. Kết quả các mô hình trình diễn đã chứng minh được phân hữu cơ vi sinh có ảnh hưởng tích cực đến sinh trưởng, phát triển và năng suất của các giống cây hồ tiêu, ngô, ớt và có ý nghĩa quan trọng trong kiểm soát bệnh, được người dân đánh giá cao. Kết quả của dự án đã đào tạo được 4 kỹ thuật viên và 20 lượt công nhân thành thạo quy trình sản xuất chế phẩm và phân hữu cơ vi sinh chức năng. Dự án cũng đã thiết kế, đăng ký nhãn hiệu độc quyền cho chế phẩm và phân hữu cơ vi sinh chức năng. Đồng thời, thông qua các phương tiện truyền thông dự án đã giới thiệu, phổ biến chế phẩm và phân hữu cơ vi sinh chức năng đến các hộ dân trong và ngoài vùng dự án. Sau khi dự án kết thúc, cơ quan chủ trì đã nhân rộng mô hình của dự án dưới nhiều hình thức khác nhau và nhận được sự đồng thuận cao của người dân địa phương. Cụ thể: đã thực hiện 11 đề tài cấp cơ sở; tham mưu cho Sở KH&CN phối hợp với Hội Nông dân tỉnh tổ chức 4 lớp tập huấn về quy trình sản xuất và sử dụng phân hữu cơ vi sinh cho bà con nông



Sản xuất phân hữu cơ vi sinh chức năng

dân, cán bộ khuyến nông các huyện với số lượng học viên tham gia là 160 người; xây dựng và thực hiện phương án hỗ trợ ứng dụng tiến bộ KH&CN sản xuất phân hữu cơ vi sinh chức năng tại 60 xã điểm nông thôn mới của tỉnh thông qua 60 lớp tập huấn với sự tham gia của gần 2.000 người; xây dựng ở mỗi xã một mô hình trình diễn sản xuất phân hữu cơ vi sinh chức năng, tổ chức hỗ trợ chế phẩm vi sinh cho 3.000 hộ nông dân (50 hộ/xã x 60 xã) để mỗi hộ có thể sản xuất được 1 tấn phân hữu cơ vi sinh từ phế phụ phẩm nông nghiệp...

Trong công tác phòng tránh, giảm nhẹ thiên tai, lần đầu tiên tại khu vực miền Trung đã kết hợp công nghệ GIS, công nghệ thông tin và ứng dụng (Webgis) để cung cấp thông tin cho công tác chỉ đạo phòng tránh lũ lụt và đáp ứng nhu cầu thông tin cho toàn bộ cộng đồng. Cụ thể, dự án “Ứng dụng công nghệ GIS để xây dựng bản đồ chỉ huy phòng tránh lũ lụt tỉnh Quảng Nam” đã tạo lập bộ công cụ quan trọng trong dự báo, thông tin, hỗ trợ cho công tác phòng tránh và giảm nhẹ thiệt hại do lũ gây nên. Dự án đã xây dựng được bộ bản đồ số phục vụ cho tính toán thủy văn, nghiên cứu, quy hoạch và nhiều công việc khác phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Qua nghiệm thu mô hình, các sản phẩm của dự án được đánh giá là dễ sử dụng, đảm bảo sử dụng lâu dài và có khả năng nâng cấp khi có đủ điều kiện. Ngoài ra, dự án cũng đã nâng cao năng lực dự báo chỉ huy phòng tránh thiên tai cho các đơn vị chuyên môn của tỉnh và khu vực miền Trung thông qua việc hỗ trợ các trang thiết bị hiện đại, mô hình thủy văn tiên tiến. Bên cạnh đó, dự án đã đào tạo, chuyển giao công nghệ GIS

và công nghệ dự báo lũ, hướng dẫn khai thác biên tập số liệu phục vụ chạy mô hình, hướng dẫn khai thác bản đồ số, phần mềm quản lý thiên tai cho 27 kỹ thuật viên và cán bộ quản lý của một số cơ quan chuyên môn thuộc tỉnh Quảng Nam và khu vực Bắc Trung Bộ.

Dự án “Xây dựng mô hình ứng dụng công nghệ trong sản xuất các chế phẩm vi sinh phục vụ sản xuất nông nghiệp và xử lý môi trường” được thực hiện từ năm 2011 đến năm 2013 tại các nhà máy, cụm công nghiệp, dân cư đã góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường, phục vụ tốt cho sản xuất, đời sống và sinh hoạt của người dân. Ngoài việc sản xuất chế phẩm vi sinh dạng bột, dạng dịch; đào tạo cán bộ kỹ thuật và tập huấn cho người dân; dự án đã xây dựng thành công 3 mô hình: mô hình ứng dụng chế phẩm vi sinh dạng lỏng để xử lý mùi hôi trong chăn nuôi, mô hình ứng dụng chế phẩm vi sinh dạng bột xử lý nước thải sản xuất chế biến thủy sản và nước thải sinh hoạt, mô hình ứng dụng chế phẩm



Sản xuất chế phẩm vi sinh vật chức năng

vi sinh dạng bột xử lý rác thải tại các bãi rác. Hiệu quả của các mô hình được người dân đánh giá cao về khả năng khử mùi hôi và làm sạch chuồng trại, môi trường. Tại các nhà máy, bãi rác, vấn đề ô nhiễm môi trường cũng được giảm thiểu với chi phí thấp, hiệu quả xử lý môi trường cao (theo kết quả kiểm tra của Sở Tài nguyên và Môi trường Quảng Nam). Hiện tại, Trung tâm Ứng dụng và Thông tin KH&CN Quảng Nam đang xây dựng tiêu chuẩn cơ sở, đăng ký nhãn hiệu và tiến hành sản xuất để tiếp tục cung ứng chế phẩm phục vụ nhu cầu của các hộ chăn nuôi và các nhà máy chế biến trong tỉnh.

Dự án “Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật xây dựng mô hình sản xuất và chế biến tiêu theo hướng bền vững tại huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam” bắt đầu triển khai từ tháng 4.2012 và kết thúc tháng 6.2015. Dự án có ý nghĩa thiết thực đối với địa phương, phù hợp với chủ trương của tỉnh về bảo tồn, phục hồi và phát triển nguồn gen quý, bản địa, đặc hữu, đặc biệt là đáp ứng được nguyện vọng của người dân, góp phần phục hồi giống tiêu bản địa nổi tiếng của huyện Tiên Phước đang bị thoái hóa, tạo thu nhập ổn định, giải quyết việc làm cho nông dân. Dự án đã xây dựng được 3 mô hình (mô hình vườn ươm tiêu giống, quy mô 0,15 ha; mô hình trồng tiêu theo hướng bền vững với diện tích 1,5 ha; mô hình sản xuất, chế biến tiêu đen thành tiêu sọ); đào tạo được 10 kỹ thuật viên; tổ chức 2 lớp tập huấn kỹ thuật nhân giống và trồng tiêu thương phẩm cho 300 lượt người dân trong huyện. Đồng thời dự án đã tuyển chọn được 170 cây tiêu trội, phục vụ sản xuất giống bền vững cho nhu cầu mở rộng sản xuất sau khi dự án kết thúc. Đặc biệt là dự án đã áp dụng phương thức tác động bằng phân hữu cơ vi sinh chức năng và chế phẩm nấm đối kháng giúp tăng khả năng sinh trưởng, chống chịu sâu bệnh, nhất là xử lý được bệnh tuyến trùng - nguyên nhân chính làm thoái hóa tiêu. Kết quả của dự án cũng mở ra triển vọng phát triển công nghệ chế biến tiêu đen thành tiêu sọ, tăng giá trị sản phẩm, đáp ứng nhu cầu của thị trường.

Ngoài ra, một số dự án khác thuộc Chương trình NTMN như: “Ứng dụng công nghệ nuôi cấy mô để sản xuất giống và trồng cây ăn quả chất lượng cao tại tỉnh Quảng Nam”, “Xây dựng mô hình sản xuất, chế biến một số loại nấm dược liệu và nấm ăn theo phương thức công nghiệp tại tỉnh Quảng Nam” đang được triển khai thực hiện và bước đầu đã khẳng định được hiệu quả thiết thực trong việc xây dựng các mô hình ứng dụng tiến bộ KH&CN vào sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa quy mô lớn, tạo ra sản phẩm có sức cạnh tranh trên thị trường, có khả năng nhân rộng, duy trì và phát triển. Đây có

thể được coi là những việc làm thiết thực góp phần chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, tạo thêm việc làm, tăng thu nhập cho nông dân, phục vụ phát triển tam nông và chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh...

Bài học kinh nghiệm

Để việc thực hiện các dự án NTMN trong giai đoạn tới đạt được những thành công mới, mang lại lợi ích thiết thực cho người dân, từ kinh nghiệm thực hiện các dự án trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua, chúng tôi xin chia sẻ một số kinh nghiệm trong quá trình quản lý, tổ chức thực hiện các dự án của tỉnh Quảng Nam. Hy vọng đây sẽ là những kinh nghiệm thực tiễn để các địa phương tham khảo và thực hiện thành công các dự án NTMN trong thời gian tới.

Trước hết, phải bắt đầu từ việc lựa chọn dự án: nội dung dự án phải xuất phát từ nhu cầu thực tiễn, giải quyết được đúng vấn đề mà người dân, địa phương đang cần. Người dân và chính quyền địa phương cần được tham gia ngay từ đầu, ngay từ khi xác định mục tiêu và nội dung dự án. Cần phải thảo luận với người dân để xác định họ cần làm gì, bản thân họ tự giải quyết được những vấn đề gì và cần hỗ trợ những nội dung nào. Những mô hình được lựa chọn để chuyển giao công nghệ là những mô hình đã khẳng định được tính hiệu quả, phù hợp về các yếu tố kinh tế - kỹ thuật đối với địa bàn triển khai dự án.

Lựa chọn người dân tham gia dự án: các dự án KH&CN tuy được đầu tư tại các vùng kinh tế còn khó khăn, trình độ kỹ thuật của đồng bào còn hạn chế nhưng không phải là những dự án xoá đói giảm nghèo. Những mô hình của dự án sẽ như là những “đốm lửa” và phải có sức lan tỏa mạnh. Để làm được điều đó, công tác lựa chọn địa bàn và lựa chọn hộ gia đình tham gia dự án là rất quan trọng, có tính quyết định đến sự thành công của dự án. Đối tượng tham gia dự án phải đảm bảo các yếu tố về kinh tế, trình độ kỹ thuật và đặc biệt là sự tự nguyện, say mê ứng dụng tiến bộ KH&CN. Kinh nghiệm cho thấy, lựa

chọn được đối tượng thực hiện dự án phù hợp là đã đảm bảo được 50% thành công cho dự án. Chính những người dân tham gia dự án sẽ là những nhân tố tích cực và hiệu quả trong việc duy trì và nhân rộng kết quả dự án sau này.

Lựa chọn cơ quan chuyển giao công nghệ: cơ quan chuyển giao công nghệ phải là đơn vị có tiềm lực KH&CN mạnh, có kinh nghiệm và đã từng triển khai thành công các tiến bộ kỹ thuật tương tự. Cơ quan chuyển giao công nghệ phải là đơn vị phối hợp ngay từ đầu để triển khai các công việc: cùng thảo luận với người dân và chính quyền địa phương để xác định nội dung, lựa chọn hộ gia đình, địa bàn triển khai dự án... Cần phải có ràng buộc trách nhiệm cụ thể với cơ quan chuyển giao công nghệ để cơ quan này tiếp tục hỗ trợ kỹ thuật trong việc duy trì và nhân rộng kết quả sau khi dự án kết thúc.

Vai trò của cấp ủy đảng, chính quyền và các ban/ngành ở địa phương: trong quá trình triển khai dự án, cơ quan chủ trì dự án phải phối hợp chặt chẽ với cấp ủy đảng, chính quyền và các ban/ngành ở địa phương (cấp huyện, xã, thôn). Đây là cấp gần dân nhất, có vai trò rất lớn trong việc phối hợp tổ chức thực hiện các nội dung của dự án. Phải làm thế nào để cấp ủy đảng, chính quyền, các ban/ngành đoàn thể địa phương phải vào cuộc và cùng cộng đồng chia sẻ trách nhiệm cả về quản lý và thực hiện dự án. Kinh nghiệm cho thấy, việc hình thành các ban chỉ đạo dự án với thành phần bao gồm các ngành chuyên môn và chính quyền địa phương nơi dự án triển khai sẽ mang lại hiệu quả tốt. Ban chỉ đạo này có nhiệm vụ vừa trực tiếp chỉ đạo việc triển khai dự án, vừa tham mưu các phương án lồng ghép dự án này với các chương trình, dự án khác có liên quan mà ngành, địa phương đang quản lý hoặc đang được triển khai thực hiện. Chính cán bộ lãnh đạo các ngành, địa phương này cũng sẽ tham mưu phương án và trực tiếp chỉ đạo việc ứng dụng, nhân rộng kết quả sau khi dự án kết thúc.

Quan tâm đến việc lồng ghép các dự án trên cùng một địa bàn. Đây là công việc có tác dụng lớn nhằm tập trung được nhiều nguồn lực (con người, cơ sở vật chất kỹ thuật, kinh phí), tạo được sức mạnh của sự cộng hưởng từ nhiều chương trình, dự án có thể giải quyết một lúc được nhiều vấn đề có mối quan hệ hữu cơ với nhau, tạo được sự chuyển biến đồng bộ, hiệu quả trên nhiều mặt tại địa phương. Tuy nhiên, trong thực tế đây là việc làm khó vì mỗi chương trình, dự án được phê duyệt đều có cách điều hành, cơ chế quản lý và nguồn vốn riêng. Do vậy, vai trò điều phối của chính quyền địa phương là hết sức quan trọng.

Tổ chức các dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật, hỗ trợ thông tin: tổ chức các kênh tiêu thụ sản phẩm một cách ổn định để tạo lòng tin cho người sản xuất, giúp họ mạnh dạn duy trì và nhân rộng kết quả. Đồng thời quan tâm đến việc hỗ trợ tạo lập, quản lý và phát triển các tài sản trí tuệ (chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận...) đối với các sản phẩm của dự án cũng như các đặc sản, sản phẩm làng nghề của địa phương nói chung.

Bàn giao để quản lý và sử dụng tài sản sau khi kết thúc dự án: cần có những hướng dẫn, quy định cụ thể để các địa phương dễ triển khai thực hiện việc quản lý, sử dụng tài sản sau khi dự án kết thúc. Hiện nay, văn bản quy định còn chung chung, gây lúng túng trong công tác quản lý. Bên cạnh đó, việc bàn giao cụ thể sẽ tăng cường trách nhiệm của đơn vị được bàn giao, góp phần không nhỏ trong việc nhân rộng mô hình của dự án.

Bố trí kinh phí để nhân rộng mô hình có kết quả tốt: cần có cơ chế, chính sách cụ thể, trong đó có bố trí kinh phí để cơ quan chủ trì, địa phương tiếp tục nhân rộng các mô hình có kết quả tốt, từ đó khẳng định tính bền vững của mô hình và KH&CN mới thực sự đi vào cuộc sống của người dân ✍